

GIÁO DỤC HÒA NHẬP TRẺ KHUYẾT TẬT: NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG TẠI TỈNH VĨNH PHÚC GIAI ĐOẠN 2015-2021

Phạm Hà Thương⁺,
Trịnh Thị Thu Thanh,
Nguyễn Trọng Dân

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
+Tác giả liên hệ • Email: thuongph@vnies.edu.vn

Article history

Received: 11/4/2021

Accepted: 20/5/2021

Published: 05/7/2021

Keywords

Inclusive education, children with disabilities, Vinh Phuc province, period 2015-2021

ABSTRACT

Inclusive education has been chosen as the mainstream education method for students with disabilities in our country. Vinh Phuc is one of the provinces early implementing inclusive education, and there have been projects on inclusive education implemented since the 1990s. The article presents the situation of inclusive education for children with disabilities in Vinh Phuc province in the period of 2015-2021 based on analysis of the number of children with disabilities in an inclusive school, the level of training of inclusive education teachers, facilities and teaching equipments to meet the needs of inclusive education. From there, the article makes some recommendations to improve the quality of inclusive education for children with disabilities in Vinh Phuc province in the period of 2021-2025.

1. Mở đầu

Giáo dục hòa nhập (GDHN) được chọn là phương thức giáo dục chủ đạo cho học sinh (HS) khuyết tật tại nước ta. Việc giáo dục hoà nhập cho trẻ khuyết tật (TKT) là nhiệm vụ chính trị mà các cơ sở giáo dục phải thực hiện (cả cơ sở chuyên biệt và không chuyên biệt). Hiện nay có ngày càng nhiều TKT, bản thân trẻ và gia đình của các TKT đều có mong muốn và nguyện vọng trẻ được tham gia học tập tại các cơ sở giáo dục không chuyên biệt để các em có cơ hội được hoà nhập trong môi trường học tập, vui chơi và sinh hoạt như những HS bình thường khác. Do vậy, việc thực hiện hoạt động GDHN cho HS khuyết tật và quản lý hoạt động này sao có chất lượng, hiệu quả tại các cơ sở giáo dục là vô cùng cấp thiết và quan trọng (Bùi Văn Tường và Nguyễn Thị Hải Hạnh, 2019, tr 47).

Vinh Phúc là một trong những tỉnh thực hiện công tác GDHN sớm và có những dự án về GDHN được triển khai từ những năm 1990. Việc đánh giá thực trạng GDHN của tỉnh trong những năm qua để xác định các chiến lược GDHN TKT trong những năm tới là nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục nhằm nâng cao chất lượng GDHN. Nằm trong khuôn khổ Đề án phát triển GDHN trẻ khuyết trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025, khảo sát thực trạng GDHN TKT trên địa bàn được tiến hành và thu được các kết quả trên nhiều khía cạnh, như: số lượng TKT, thực trạng giáo viên (GV) dạy hòa nhập, tình hình cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, thực hiện mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học HS khuyết tật cũng như sự chỉ đạo, phối hợp các lực lượng trong GDHN TKT.

Bài báo nghiên cứu thực trạng GDHN TKT tại tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2021 dựa trên những phân tích về số lượng TKT học hòa nhập, trình độ đào tạo GV GDHN, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu GDHN. Từ đó, đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng GDHN TKT tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2021

2.1.1. Số lượng trẻ khuyết tật tại tỉnh Vĩnh Phúc

Theo báo cáo kết quả điều tra dân số và nhà ở năm 2019 tại tỉnh Vĩnh Phúc, dân số toàn tỉnh là 1.154.836 người; trong đó người khuyết tật từ 5 tuổi trở lên chiếm 3,7% dân số toàn tỉnh. Theo số liệu thống kê tại Quyết định số 860/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành ngày 01/4/2020 về việc phê duyệt Đề án phát triển GDHN cho TKT trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025: toàn tỉnh Vĩnh Phúc có 1.715 TKT từ 6 đến 14 tuổi (xem bảng 1) (UBND tỉnh Vĩnh Phúc, 2020):

Bảng 1. Số lượng TKT từ 6-14 tuổi tại tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020

TT	Huyện/TP	Tổng số	6 tuổi	7 tuổi	8 tuổi	9 tuổi	10 tuổi	11 tuổi	12 tuổi	13 tuổi	14 tuổi
1	Vĩnh Yên	180	37	40	18	25	20	10	7	10	13
2	Phúc Yên	112	17	24	13	14	13	9	10	5	7
3	Lập Thạch	227	51	19	36	18	37	25	17	10	14
4	Tam Dương	162	21	17	18	19	12	22	24	20	9
5	Tam Đảo	134	25	27	15	14	15	14	13	6	5
6	Bình Xuyên	178	27	33	20	32	30	11	13	10	2
7	Yên Lạc	253	39	49	37	35	33	25	15	11	9
8	Vĩnh Tường	287	50	39	38	33	40	20	24	21	22
9	Sông Lô	182	26	28	24	16	21	26	13	14	14
	Tổng số	1.715	293	276	219	206	221	162	136	107	95

Bảng 1 cho thấy, các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc và Lập Thạch có tỉ lệ TKT cao hơn các huyện khác. Phúc Yên là địa bàn có tỉ lệ TKT thấp nhất trong toàn tỉnh. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê của Đề án này lại thiếu vắng số liệu TKT dưới độ tuổi đến trường (dưới 6 tuổi) và trên 14 tuổi (độ tuổi THCS và THPT, cao đẳng, đại học).

Cùng với đó, số lượng TKT các huyện, thành phố của Vĩnh Phúc đều có xu hướng chung là giảm dần số TKT ở các độ tuổi càng lớn. Mặc dù với 3 huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc và Lập Thạch có số lượng TKT cao nhất nhưng khi xét về độ tuổi của TKT, đặc biệt là độ tuổi 6, 7, 8 và 9 lại có sự chênh nhau khá lớn. Các huyện còn lại có sự tương đối ổn định giữa các độ tuổi. Theo thống kê của Sở GD-ĐT tỉnh Vĩnh Phúc năm 2021, số lượng TKT đi học hòa nhập năm học 2020-2021 cấp tiểu học, THCS và THPT tăng đáng kể so với các năm học trước. Trong đó, tỉ lệ TKT đi học cấp tiểu học tăng nhiều nhất 61%; THCS tăng 37%; THPT tăng 6% và bậc mầm non giảm 4% so với tỉ lệ HS khuyết tật đi học các cấp năm 2019-2020 (xem bảng 2):

Bảng 2. Số lượng TKT tỉnh Vĩnh Phúc học hòa nhập tính theo các năm học

Cấp học	Năm học					
	2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Mầm non	178	189	139	103	101	92
Tiểu học	1.216	1.301	1.189	1.232	1.127	1.278
THCS	462	343	294	396	511	601
THPT	14	14	36	36	52	66
Tổng số	1.870	1.847	1.658	1.767	1.791	2.037

Bảng 2 cho thấy, số lượng TKT của tỉnh Vĩnh Phúc có sự chênh lệch, mặc dù sự chênh lệch về số lượng TKT có thể do tiêu chí thống kê khác nhau giữa các ngành Giáo dục, Lao động - Thương binh và Xã hội. Tuy nhiên, số liệu cũng có điểm chung là số lượng TKT ở độ tuổi tiểu học cao hơn hẳn so với TKT ở các độ tuổi khác. Thực trạng này phản ánh công tác xác nhận TKT ở độ tuổi đến trường của Vĩnh Phúc đã được quan tâm; đồng thời cũng phản ánh tình trạng chung, TKT khó theo học ở các bậc học cao hơn (THCS và THPT). Tuy nhiên, số lượng HS khuyết tật theo học THCS và THPT cũng đều tăng dần theo các năm học từ năm 2019 đến năm 2021. Điều này chứng tỏ Vĩnh Phúc đang có những hỗ trợ GDHN đúng hướng giúp cho HS khuyết tật có thể theo học ở những bậc học cao hơn.

Riêng với bậc học mầm non, số TKT được huy động đến trường đều tăng theo từng năm học. Năm học 2020-2021, tỉ lệ đi học của TKT mầm non đạt 97,9%. Trung bình 5 năm học gần đây của Vĩnh Phúc, số trẻ mầm non khuyết tật được huy động đến trường đạt tỉ lệ 86,8% (xem bảng 3):

Bảng 3. Số lượng trẻ mầm non khuyết tật tỉnh Vĩnh Phúc đi học hòa nhập tính theo các năm học

TT	Năm học	Số TKT	Số TKT học hòa nhập	Tỉ lệ TKT mầm non đi học (%)
1	2015-2016	233	178	76,4
2	2016-2017	215	189	87,9
3	2017-2018	159	139	88,0
4	2018-2019	114	103	90,4
5	2019-2020	108	101	93,5

6	2020-2021	94	92	97,9
Tổng số		923	802	86,8%

Bên cạnh đó, năm 2020, tỉnh Vĩnh Phúc có 249 TKT nặng chưa được tiếp cận giáo dục. Trong đó 68,6% trẻ và gia đình mong muốn được đi học hòa nhập ở các trường tiểu học, THCS trên địa bàn trẻ sinh sống; 31,4% trẻ và gia đình mong muốn được đi học tại trung tâm, trường chuyên biệt. Theo Sở GD-ĐT Vĩnh Phúc, tính đến tháng 3/2021, tỉ lệ TKT học hòa nhập ở các trường mầm non đến phổ thông toàn tỉnh chiếm khoảng từ 1-3% tổng số HS của toàn trường. Tuy nhiên, số HS có nghi ngờ khuyết tật cũng chiếm tỉ lệ cao, khoảng gấp 2-3 lần số HS khuyết tật trong trường. Việc có một số lượng HS nghi ngờ khuyết tật nhưng chưa được xác định khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật sẽ là một rào cản rất lớn trong công tác giáo dục TKT, ảnh hưởng đến công tác giáo dục chung và giáo dục TKT nói riêng ở mỗi nhà trường trong địa bàn tỉnh hiện nay. Điều này có nhiều nguyên nhân, đòi hỏi tỉnh Vĩnh Phúc cần có những biện pháp cụ thể trong việc xác nhận HS khuyết tật và hỗ trợ HS khuyết tật trong các trường học.

2.1.2. Thực trạng giáo viên hòa nhập dạy trẻ khuyết tật

Đối với giáo viên mầm non (GVMN), tính đến năm học 2019-2020, xét theo quy định về chuẩn trình độ (trình độ đào tạo GVMN từ cao đẳng trở lên - Điều 72 Luật Giáo dục 2019), đội ngũ cán bộ quản lý các trường mầm non công lập đã đáp ứng và vượt yêu cầu về chuẩn trình độ đào tạo. Trong khi đó, còn 114 cán bộ quản lý cơ sở giáo dục mầm non tương đương 44,19% (12 cán bộ quản lý trường ngoài công lập và 102 cán bộ chuyên môn/chủ nhóm) trình độ trung cấp và 10,53% chủ nhóm chưa qua đào tạo. Ngoài ra, toàn bộ GV mầm non của tỉnh chưa có đào tạo về chuyên môn giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên môn gần có liên quan đến GDHN TKT ở bậc học mầm non. Đây chính là rào cản trong công tác phát hiện sớm, sàng lọc TKT và hỗ trợ TKT ở bậc mầm non.

Đối với GV phổ thông, theo thống kê số liệu ban hành đi kèm Quyết định số 806/QĐ-UBND tỉnh về Đề án phát triển GDHN thì có: 0,77% GV tiểu học được đào tạo về chuyên môn về giáo dục đặc biệt; 0,54% GV tiểu học đã có chứng chỉ giáo dục đặc biệt; 100% GV THCS, THPT không có đào tạo, bồi dưỡng liên quan đến GDHN HS khuyết tật. Đây là những con số quá ít so với nhu cầu thực tế số lượng HS khuyết tật và nghi ngờ khuyết tật trong các trường học. Số GV tham gia bồi dưỡng về GDHN HS khuyết tật chủ yếu được tham gia các lớp tập huấn ngắn hạn về điều chỉnh nội dung bài học, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân mà chưa được tập huấn về các phương pháp dạy học đặc thù cho HS khuyết tật (UBND tỉnh Vĩnh Phúc, 2020).

Thực trạng này đặt ra yêu cầu tỉnh Vĩnh Phúc cần trang bị cho cán bộ quản lý và GV những kiến thức và kỹ năng chung cũng như đặc thù về GDHN HS khuyết tật. Đây cũng là một trong những điều kiện quan trọng quyết định đến nâng cao chất lượng GDHN TKT.

2.1.3. Thực trạng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học trẻ khuyết tật

Trong những năm qua, các cơ sở giáo dục không ngừng được đầu tư và nâng cấp, môi trường sư phạm được xây dựng theo mô hình trường học thân thiện, hiện đại. Đến năm học 2015-2016, các cơ sở giáo dục đã cơ bản đủ phòng học, thiết bị tối thiểu phục vụ công tác dạy học. Tuy nhiên, các trường đều chưa có thiết bị dành riêng cho TKT học hòa nhập và cũng đang gặp khó khăn, lúng túng trong việc sắp xếp chỗ ngồi học hợp lý cho TKT, việc tạo điều kiện cho các em di chuyển trong quá trình học tập và tham gia các hoạt động chung của lớp và nhà trường.

Các cơ sở giáo dục có TKT học hòa nhập chưa có những trang thiết bị tối thiểu cần thiết để dạy như sách giáo khoa và đồ dùng dạy học đặc thù cho từng loại TKT. Việc đầu tư cho trang thiết bị, phương tiện, đồ dùng dạy học đặc thù đáp ứng nhu cầu giáo dục TKT hầu như chưa được đầu tư đúng mức. Theo phản ánh của GV trực tiếp dạy hòa nhập thì đối với TKT nặng và một số TKT nhẹ, với mỗi bài học, GV đều phải chuẩn bị một số thiết bị, đồ dùng dạy học dành riêng cho HS để HS có thể tiếp thu được nội dung bài học. Tuy nhiên, công tác chuẩn bị được đồ dùng, thiết bị dạy học này hiện nay có nhiều hạn chế do trình độ và năng lực của GV, điều kiện kinh tế (có thể sưu tầm, tự làm bằng vật liệu sẵn có nhưng cơ bản vẫn cần sử dụng đến kinh phí để mua giấy, màu, bìa và các vật liệu khác...), thời gian, khối lượng công việc và ý thức, trách nhiệm của GV.

Thêm vào đó, một trong những lí do khiến TKT không đến trường được là do thiếu phương tiện giao thông đưa đón, đặc biệt là ở những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Những khó khăn cơ bản này là trở ngại lớn cho việc nâng cao không chỉ đối với chất lượng giáo dục nói chung và thực hiện GDHN nói riêng.

2.1.4. Thực trạng thực hiện mục tiêu, chương trình, phương pháp dạy học trẻ khuyết tật

Mục tiêu GDHN TKT giai đoạn đầu tại các địa phương chủ yếu là nâng cao tỉ lệ huy động TKT ra lớp, chưa thực sự quan tâm đến vấn đề chất lượng giáo dục cho từng TKT. Hiện nay, ngành GD-ĐT đã xác định rõ GDHN là

phương thức chủ yếu để thực hiện các quyền, đặc biệt là quyền được đến trường của TKT, trên cơ sở vừa thực hiện tốt nhiệm vụ huy động TKT ra lớp; đồng thời phải quan tâm đến chất lượng chăm sóc, giáo dục toàn diện về các mặt, giúp các em tự tin hòa nhập cộng đồng và trở thành người có ích cho gia đình, xã hội. Vì vậy, GDHN tại Vĩnh Phúc cần có những bước tiến mới về các mục tiêu GDHN, nâng tầm các mục tiêu từ số lượng lên chất lượng; đáp ứng các yêu cầu về tăng cường năng lực cho GV, nhân viên; tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đặc thù TKT, đa dạng hóa các mô hình giáo dục, tiếp cận tốt các dịch vụ giáo dục đặc biệt.

GDHN với TKT trong những năm qua được các cơ sở GDHN thực hiện trên cơ sở nội dung chương trình của cấp học, có điều chỉnh nội dung cho phù hợp với đối tượng TKT. Ngành GD-ĐT tỉnh Vĩnh Phúc cũng triển khai xây dựng Kế hoạch giáo dục cá nhân cho toàn bộ HS khuyết tật trong nhà trường; song do nhiều nguyên nhân khác nhau, đặc biệt là GV chưa có đủ kiến thức, kỹ năng về phương pháp dạy học hòa nhập nên nội dung chương trình, phương pháp dạy học vẫn chưa thực sự phù hợp, đáp ứng được trình độ nhận thức, đặc điểm tâm - sinh lý của từng đối tượng TKT.

Đối với các HS khuyết tật mức độ nặng đang học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục là một thách thức lớn đối với GV và nhà trường. Theo Sở GD-ĐT Vĩnh Phúc năm 2020, có đến 22,6% HS khuyết tật học hòa nhập chưa có khả năng đáp ứng và hoàn thành chương trình GDHN (Sở GD-ĐT Vĩnh Phúc, 2020). Cùng với số lượng TKT mức độ nặng, đặc biệt nặng chưa được tiếp cận giáo dục, việc xem xét tìm ra giải pháp đưa lượng HS này theo học mô hình giáo dục chuyên biệt với các phương pháp dạy học đặc thù đáp ứng được khả năng và nhu cầu của trẻ cũng là một trong những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục HS khuyết tật cần được quan tâm hàng đầu hiện nay.

2.1.5. Thực trạng công tác chỉ đạo, quản lý đối với giáo dục hòa nhập và sự phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục trẻ khuyết tật

Đối với công tác giáo dục người khuyết tật, GDHN được xác định là phương thức chủ yếu, cơ bản, phù hợp nhất để giải quyết vấn đề giáo dục khuyết tật trên địa bàn. UBND tỉnh Vĩnh Phúc đã chỉ đạo ngành GD-ĐT của tỉnh phối hợp với các ngành chức năng trên địa bàn triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục người khuyết tật. Sở GD-ĐT đã thành lập Ban chỉ đạo Giáo dục TKT và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Hàng năm, Ban chỉ đạo hướng dẫn các bộ phận chuyên môn của Sở, Phòng GD-ĐT các huyện, thị xã, thành phố toàn tỉnh tuyên truyền và triển khai công tác giáo dục cho người khuyết tật đến trường thông qua Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của từng cấp học, qua các cuộc họp giao ban, hội nghị chuyên đề; hướng dẫn các đơn vị thực hiện chính sách miễn giảm học phí, các khoản đóng góp xây dựng trường cho HS khuyết tật; vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ học bổng, sách vở, đồ dùng học tập cho TKT có hoàn cảnh khó khăn; huy động nguồn lực xã hội, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho công tác giáo dục khuyết tật.

Các đơn vị đã tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền hết sức phong phú trong các nhà trường, tổ dân phố, cộng đồng... thường xuyên trao đổi tình hình học tập, sức khỏe, khả năng phát triển của TKT để phụ huynh cùng phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục trẻ hòa nhập với cộng đồng. Các ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Y tế, Hội Liên hiệp Phụ nữ cần đẩy mạnh tuyên truyền, vận động làm chuyên biến nhận thức của nhân dân, đặc biệt là của phụ huynh, các trường mầm non về can thiệp sớm cho TKT; phối hợp với Hội chữ thập đỏ quan tâm đến chính sách ưu đãi, thực hiện các chương trình phẫu thuật chỉnh hình cho những đối tượng dị tật bẩm sinh.

2.2. Khuyến nghị nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2021-2025

Từ những thực trạng về tình hình GDHN TKT tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2021, chúng tôi đưa ra một số khuyến nghị sau đây nhằm nâng cao chất lượng GDHN của tỉnh trong giai đoạn tới:

- Xuất phát từ thực trạng số lượng lớn trẻ em có nghi ngờ khuyết tật, UBND tỉnh cần chỉ đạo thực hiện khám sàng lọc, đánh giá cho nhóm HS này tại các trường học. Đề hoạt động này diễn ra có hiệu quả, cần có sự phối hợp giữa ngành GD-ĐT, ngành Y tế và Lao động - Thương binh và Xã hội để cấp giấy chứng nhận khuyết tật kịp thời cho HS.

- Thực trạng thống kê thiếu hụt, chưa chính xác số lượng TKT trên 14 tuổi và tỉ lệ đi học của TKT ở cấp tiểu học, THCS và THPT, cao đẳng, đại học, vì vậy cần tiến hành thống kê số lượng chính xác số TKT và có sự thống nhất trong quản lý số lượng trẻ, người khuyết tật giữa các ngành.

- Thực trạng GV hòa nhập còn thiếu kiến thức và kỹ năng trong dạy học hòa nhập, Sở GD-ĐT tỉnh cần tập huấn đại trà cho GV. Nội dung tập huấn phải được cụ thể từ việc phát hiện HS có nghi vấn khuyết tật, xác định được khả năng và nhu cầu của HS, xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, điều chỉnh mục tiêu, nội dung bài học,

áp dụng các phương pháp dạy học HS khuyết tật, thiết kế và sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học HS khuyết tật (Nguyễn Minh Tường, 2017, tr 12).

- Thực trạng tỉ lệ HS chưa hoàn thành được chương trình học tập còn cao và những khó khăn thực tế của GV khi dạy học hòa nhập, Sở GD-ĐT cần tiến hành mở các phòng hỗ trợ HS khuyết tật tại các trường hòa nhập để tăng cường công tác GDHN cho HS khuyết tật.

- Thực trạng thiếu hụt trường lớp cho TKT mức độ nặng, đặc biệt nặng và nhu cầu hỗ trợ GDHN cho các trường hòa nhập, các cơ sở GDHN cần phối kết hợp với các Trung tâm, Cơ sở can thiệp chuyên biệt TKT trên địa bàn, đặc biệt là khu vực thành phố Vĩnh Yên. Trong tương lai, Vĩnh Phúc cần sớm hoàn thiện Đề án xây dựng Trung tâm hỗ trợ và GDHN tỉnh.

3. Kết luận

GDHN TKT tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian qua đã có những kết quả đáng khả quan. Kết quả này thể hiện ở các con số TKT được đi học ngày càng tăng; năm học 2020-2021, số TKT học hòa nhập là 2.037 trẻ; tỉ lệ huy động TKT độ tuổi mầm non ra lớp cao, đạt 97,9%; chất lượng GDHN từng bước được cải thiện, có đến 77,4% HS khuyết tật học hòa nhập đáp ứng được chương trình học. Tuy nhiên, những hạn chế về trình độ, năng lực nguồn nhân lực, sự thiếu hụt về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học đặc thù, sự hỗ trợ của đơn vị chuyên môn... khiến cho chất lượng GDHN chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu học tập, phát triển của TKT. Đứng trước những thuận lợi và khó khăn trên, chúng tôi đề xuất một số gợi ý nhằm nâng cao chất lượng GDHN TKT của tỉnh Vĩnh Phúc như: tập huấn về chuyên môn cho đội ngũ GV; phối kết hợp các ngành để phát hiện, sàng lọc và xác nhận tình trạng khuyết tật ở HS; mở các phòng hỗ trợ HS khuyết tật trong các trường học và định hướng mang tính bền vững là xây dựng Trung tâm hỗ trợ và phát triển GDHN cấp tỉnh... Đây cũng là hướng đi phù hợp với xu thế chung của ngành Giáo dục theo định hướng của Bộ GD-ĐT trong công tác GDHN HS khuyết tật.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2006). *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở bậc tiểu học* (Dự án phát triển giáo viên tiểu học).
- Bộ GD-ĐT (2018). *Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật*.
- Bùi Văn Tường, Nguyễn Thị Hải Hạnh (2019). Giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật tại các trường tiểu học thành phố Hải Phòng. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 10*, tr 47-51.
- Lã Thị Bắc Lý (chủ biên), Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho (2016). *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật lứa tuổi mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.
- Nguyễn Minh Tường (2017). Thực trạng và giải pháp công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khiếm thính trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 11*, 11-12; 10.
- Nguyễn Thị Hoàng Yến, Đỗ Thị Thảo (2010). *Đại cương giáo dục trẻ khuyết tật trí tuệ*. NXB Đại học Sư phạm.
- Sở GD-ĐT Vĩnh Phúc (2020). *Báo cáo số lượng học sinh khuyết tật tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020*.
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Vĩnh Phúc (2020). *Báo cáo số lượng người khuyết tật tỉnh Vĩnh Phúc năm 2020*.
- Trần Thị Bích Ngọc (2012). Một số biện pháp tăng cường sự phối hợp các lực lượng tham gia giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật trí tuệ của hiệu trưởng các trường tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 299, 27-30.
- UBND tỉnh Vĩnh Phúc (2020). *Quyết định số 860/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 về việc phê duyệt Đề án phát triển giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đến năm 2025*.